CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III
Số: 509/QĐ-KQLĐBIII

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày22 tháng5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh E - Hồ sơ mời thầu
Gói thầu số 3: Thi công xây dựng công trình
Thuộc dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 -Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700, đường Hồ Chí Minh; Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400; Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150(T), Km1360+980(T); Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-BXD ngày 10/3/2025 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Quản lý đường bộ III trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan và Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-KQLĐBIII ngày 28/11/2025 của Khu Quản lý đường

bộ III kiện toàn Tổ thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, hai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-KQLĐBIII ngày 05/5/2026 của Khu Quản lý đường bộ III về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình nêu trên;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-KQLĐBIII ngày 06/5/2026 của Khu Quản lý Đường bộ III về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án nêu trên;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-KQLĐBIII ngày 08/5/2026 của Khu Quản lý Đường bộ III về việc Phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 3: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án nêu trên;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-KQLĐBIII ngày 15/5/2026 của Khu Quản lý Đường bộ III về việc Phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu số 3: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án nêu trên;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần INNOVATA (Tổ chuyên gia) tại Tờ trình số 22.05-09/2026/TTr-INVT ngày 22/5/2026 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu số 3: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án nêu trên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu số 3: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 -Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700, đường Hồ Chí Minh; Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400; Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150(T), Km1360+980(T); Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng do Công ty Cổ phần INNOVATA (Tổ chuyên gia) lập.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trên cơ sở Điều 1, Tổ chuyên gia đấu thầu triển khai thực hiện các bước tiếp theo quy định hiện hành để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu. Trường hợp sau khi phát hành E - Hồ sơ mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định, Tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu phát hiện có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì phải báo cáo bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại diện theo pháp luật của các nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu, Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và Trưởng phòng các phòng có liên quan của Khu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phó Giám đốc Lê Phan Duy (theo dõi);
- KBNN Khu vực XIII-Phòng KTNN;
- Lưu: VT, KH-TC(Lên -12b).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Bình

KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM ★

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH E-HSMT

(Kèm theo Quyết định số 509 /QĐ-KQLĐBIII ngày 22 /5/2026)

1.1) Bổ sung khối lượng công việc mời thầu của E-HSMT tại Mẫu số 01C. Bảng khối lượng công việc mời thầu thuộc Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, cụ thể như sau:

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
5	**Gia cố taluy âm tại vị trí Km360+980 (T)**			
5.1	**GIA CỐ TALUY ÂM**			
5.1.1	Đào đất cấp 3 thi công kè taluy âm bằng máy đào	Theo quy định tại chương V	648,86	m3
5.1.2	Vận chuyển đất về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	577,49	m3
5.1.3	Đắp đá xô bồ hoàn trả móng kè	Theo quy định tại chương V	82,98	m3
5.1.4	Đắp đất hoàn trả hố móng, nền đường	Theo quy định tại chương V	61,80	m3
5.1.5	Rọ đá KT(2x1x1)m	Theo quy định tại chương V	16,00	rọ
5.1.6	Rọ đá KT(2x1x0.5)m	Theo quy định tại chương V	75,00	rọ
5.1.7	Bệ đỡ kè rọ đá_Cốt thép 10mm<= D<18mm	Theo quy định tại chương V	1.648,80	kg
5.1.8	Cốt thép D>=18mm	Theo quy định tại chương V	575,75	kg
5.1.9	BTCT f'c=20Mpa	Theo quy định tại chương V	48,00	m3
5.1.10	Ván khuôn thép đổ tại chỗ	Theo quy định tại chương V	41,40	m2
5.1.11	Bao tải tẩm nhựa rộng 1cm	Theo quy định tại chương V	3,09	m2
5.1.12	Vữa XM lót f'c=8Mpa dày 2cm	Theo quy định tại chương V	0,80	m3
5.1.13	Đá dăm đệm dày 10cm	Theo quy định tại chương V	4,00	m3
5.1.14	Cọc thép ray P43, chiều dài L=9m/cọc_Thân cọc_Thép ray P43	Theo quy định tại chương V	25.718,40	Kg
5.1.15	Cắt cọc ray	Theo quy định tại chương V	64,00	mạch

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
5.1.16	Cắt vát đầu cọc	Theo quy định tại chương V	128,00	mạch
5.1.17	Đóng cọc ray ngập đất	Theo quy định tại chương V	272,00	m
5.1.18	Đóng cọc ray không ngập đất	Theo quy định tại chương V	16,00	m
5.1.19	Cọc thép ray P43, chiều dài L=9m/cọc_Liên kết đầu cọc ray với bệ BTCT_Đường hàn 10mm	Theo quy định tại chương V	115,20	m
5.1.20	Thép D28	Theo quy định tại chương V	463,80	kg
5.2	**Đắp đất K95 hoàn trả hố móng**	**Theo quy định tại chương V**	**1,36**	**m3**
5.3	**Mặt đường hoàn trả**	**Theo quy định tại chương V**		
5.3.1	Mặt đường hoàn trả_Đập bỏ mặt đường BTXM bằng máy đào gắn búa thủy lực	Theo quy định tại chương V	34,96	m3
5.3.2	Vận chuyển phế thải về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	34,96	m3
5.3.3	Đào móng đường bằng máy đào	Theo quy định tại chương V	132,20	m3
5.3.4	Vận chuyển đất về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	132,20	m3
5.3.5	Lu lèn chặt nền đường cũ	Theo quy định tại chương V	154,04	m2
5.3.6	Đắp đất K98 dày 50cm	Theo quy định tại chương V	77,02	m3
5.3.7	Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 18cm	Theo quy định tại chương V	27,73	m3
5.3.8	Lớp cấp phối đá dăm loại I GCXM 5% dày 18cm	Theo quy định tại chương V	27,73	m3
5.3.9	Láng nhũ tương 02 lợp TC 2.7kg/m2	Theo quy định tại chương V	154,04	m2
5.3.10	Tưới nhũ tương dính bám TC 0.5 lít/m2	Theo quy định tại chương V	154,04	m2
5.3.11	Lớp BTN C19 dày 6cm	Theo quy định tại chương V	154,04	m2
5.3.12	Vận chuyển BTNC 19	Theo quy định tại chương V	22,86	tấn

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
5.3.13	Tưới nhũ tương dính bám TC 0.3 lít/m2	Theo quy định tại chương V	154,04	m2
5.3.14	Lớp BTN C16 dày 5cm (có SBS)	Theo quy định tại chương V	154,04	m2
5.3.15	Vận chuyển BTNC 16	Theo quy định tại chương V	22,78	tấn
5.4	**Lề đường hoàn trả**	**Theo quy định tại chương V**		
5.4.1	Đào khuôn lề bằng máy đào	Theo quy định tại chương V	53,36	m3
5.4.2	Vận chuyển đất về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	53,36	m3
5.4.3	BTXM f'c=16Mpa dày 18cm	Theo quy định tại chương V	29,11	m3
5.4.4	Lớp cấp phối đá dăm loại II GCXM 4% dày 15cm	Theo quy định tại chương V	24,26	m3
5.5	**Bờ bò ngăn nước**	**Theo quy định tại chương V**		
5.5.1	BTXM f'c=16Mpa	Theo quy định tại chương V	0,80	m3
5.5.2	Vữa lót f'c=8Mpa dày 2cm	Theo quy định tại chương V	0,03	m3
5.5.3	Ván khuôn thép đổ tại chỗ	Theo quy định tại chương V	8,00	m2
5.6	**Hoàn trả rãnh dọc_**	**Theo quy định tại chương V**		
5.6.1	Đào bỏ rãnh dọc BTXM bằng máy đào	Theo quy định tại chương V	48,74	m3
5.6.2	Vận chuyển phế thải về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	48,74	m3
5.7	**Rãnh hình thang hoàn trả**	**Theo quy định tại chương V**		
5.7.1	BTXM f'c=16Mpa tấm rãnh đúc sẵn	Theo quy định tại chương V	12,79	m3
5.7.2	Vữa XM f'c=8Mpa lót và chèn khe	Theo quy định tại chương V	7,01	m3
5.7.3	BTXM f'c=16Mpa đổ tại chỗ dày 7cm	Theo quy định tại chương V	7,62	m3
5.7.4	Ván khuôn thép đúc sẵn	Theo quy định tại chương V	97,23	m2

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
5.7.5	Lắp đặt tấm đan thành rãnh KT(0.6x0.48x0.07)m	Theo quy định tại chương V	609,24	tấm
5.8	**Bổ sung hố thu nước**	**Theo quy định tại chương V**		
5.8.1	Đào đất cấp 3	Theo quy định tại chương V	11,20	m3
5.8.2	Vận chuyển đất về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	7,87	m3
5.8.3	BTXM f'c=16Mpa hố thu	Theo quy định tại chương V	2,58	m3
5.8.4	Đá dăm đệm 10cm	Theo quy định tại chương V	0,63	m3
5.8.5	Ván khuôn thép đổ tại chỗ	Theo quy định tại chương V	16,56	m3
5.8.6	Đắp đất K95	Theo quy định tại chương V	2,95	m3
5.8.7	BTXM f'c=16Mpa gờ chắn bánh	Theo quy định tại chương V	0,19	m3
5.8.8	Ván khuôn thép đổ tại chỗ	Theo quy định tại chương V	1,44	m2
5.8.9	Sơn phản quang vàng đen xen kẽ lên gờ chắn bánh (02 lớp)	Theo quy định tại chương V	4,80	m2
5.9	**Gia cố trước hố thu**	**Theo quy định tại chương V**		
5.9.1	BTXM f'c=16Mpa dày 15cm	Theo quy định tại chương V	1,71	m3
5.9.2	Vữa lót f'c=8Mpa dày 2cm	Theo quy định tại chương V	0,23	m3
5.10	**Sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng dày 3mm**	**Theo quy định tại chương V**	**0,50**	**m2**
5.11	**Hoàn trả hộ lan mềm**	**Theo quy định tại chương V**		
5.11.1	Tháo dỡ, lắp đặt lại hộ lan mềm trụ U 2m/khoang	Theo quy định tại chương V	10,00	md
5.11.2	Đập bỏ móng hộ lan bằng búa căn	Theo quy định tại chương V	1,00	m3
5.11.3	Vận chuyển phế thải về bãi tập kết	Theo quy định tại chương V	1,00	m3
5.11.4	BTXM f'c=16Mpa móng hộ lan	Theo quy định tại chương V	1,00	m3

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
5.11.5	Đá dăm đệm 10cm	Theo quy định tại chương V	0,13	m3

1.2) Thay thế file đính kèm tại mục "Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật"_Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật.

1.3) Gia hạn thời điểm đóng, mở thầu đến 09h00 ngày 02/6/2026.

1.4) Các nội dung khác của của E-HSMT được giữ nguyên theo Quyết định số 485/QĐ-KQLĐBIII ngày 15/5/2026 của Khu QLĐB III.